

Số: 37/2024/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 299/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển huyện Thọ Xuân

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 22**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ; số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 219/TTr-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết số 299/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển huyện Thọ Xuân; Báo cáo thẩm tra số 698/BC-KTNS ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 299/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển huyện Thọ Xuân, cụ thể như sau:

Ngân sách huyện Thọ Xuân được hưởng 100% số thu tiền sử dụng đất thu được từ 23 dự án khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện với số tiền sử dụng đất không quá 5.000 tỷ đồng (có Phụ lục I kèm theo) để thực hiện đầu tư xây dựng các dự án trọng điểm trên địa bàn huyện (có Phụ lục II kèm theo), với điều kiện hằng năm phải hoàn thành dự toán thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp tỉnh và bảo đảm hoàn thành dự toán thu tiền sử dụng đất tỉnh giao trên địa bàn huyện Thọ Xuân hằng năm. Trường hợp số thu tiền sử dụng đất thu được từ 23 dự án khai thác quỹ đất lớn hơn 5.000 tỷ đồng, thì phần vượt thu thực hiện theo quy định hiện hành về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 15 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND huyện Thọ Xuân;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỌA



Lê Tiến Lam

**Phó Chủ tịch Thường trực
Hội đồng nhân dân tỉnh**




Phụ lục I:

Danh mục dự án khai thác quỹ đất áp dụng chính sách đặc thù trên địa bàn huyện Thọ Xuân

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Quy mô (ha)	Dự kiến tổng thu tiền sử dụng đất	Dự kiến chi phí GPMB và đầu tư HTKT	Dự kiến số thu tiền sử dụng đất (sau khi trừ chi phí)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số	767,0	12.131.822	7.131.821	5.000.000	
1	Dự án số 2, Khu đô thị mới Sao Mai Lam Sơn - Sao Vàng tại thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân.	70,4	1.319.200	897.095	422.105	
2	Khu dân cư mới phía Tây Bắc đường Cầu Kè, huyện Thọ Xuân.	10,88	267.745	141.440	126.305	
3	Khu dân cư và dịch vụ công cộng thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân.	10,81	272.500	132.120	140.380	
4	Khu dân cư phía Đông đường Hồ Chí Minh (đối diện Công ty lâm sản Lam Sơn), xã Thọ Xương, huyện Thọ Xuân.	19,1	487.440	203.100	284.340	
5	Khu dân cư mới thị trấn Thọ Xuân (Đối diện công sở thị trấn Thọ Xuân).	38	855.000	418.000	437.000	
6	Khu đô thị Trung tâm hành chính mới của huyện	300	4.050.000	2.767.956	1.282.044	
7	Khu dân cư mới hai bên đường Lê Hoàn, xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân.	15,7	345.000	157.000	188.000	
8	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, tái định cư tại ngã tư nút giao đầu tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi khu đô thị Lam Sơn - Sao Vàng.	4,66	128.320	46.000	82.320	
9	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Xuân Hòa - Thọ Hải, huyện Thọ Xuân.	7,23	110.289	50.383	59.906	
10	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân.	10,78	156.174	69.960	86.214	



TT	Danh mục dự án	Quy mô (ha)	Dự kiến tổng thu tiền sử dụng đất	Dự kiến chi phí GPMB và đầu tư HTKT	Dự kiến số thu tiền sử dụng đất (sau khi trừ chi phí)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
11	Khu dân cư mới xã Xuân Hồng, huyện Thọ Xuân.	20,38	364.950	203.800	161.150	
12	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Phú Xuân, huyện Thọ Xuân.	10	124.184	69.998	54.186	
13	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Thọ Lộc, huyện Thọ Xuân.	9,7	118.451	67.890	50.561	
14	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân.	8,8	109.489	62.999	46.490	
15	Dự án số 1, Khu đô thị mới Sao Mai Lam Sơn - Sao Vàng tại thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân.	61,6	744.000	492.800	251.200	
16	Khu dân cư nông thôn mới xã Xuân Sinh và xã Xuân Giang.	49,5	742.650	396.080	346.570	
17	Khu dân cư tại xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân.	10,0	165.000	80.000	85.000	
18	Khu dân cư Đồng Bông, thị trấn Lam Sơn.	22,3	367.940	178.400	189.540	
19	Khu dân cư tại thị trấn Lam Sơn.	13,6	224.400	108.800	115.600	
20	Khu dân cư mới phía Đông đường nối QL47-QL47C đô thị Lam Sơn Sao Vàng.	11,0	147.840	88.000	59.840	
21	Khu dân cư mới phía Tây đường nối QL47-QL47C đô thị Lam Sơn Sao Vàng.	26,0	429.000	208.000	221.000	
22	Khu dân cư mới phía Bắc tuyến đường Quốc lộ 47 kéo dài đến đường Hồ Chí Minh.	24,0	396.000	192.000	204.000	
23	Khu dân cư mới phía Nam tuyến đường Quốc lộ 47 kéo dài đến đường Hồ Chí Minh.	12,5	206.250	100.000	106.250	


*Ghi chú: UBND huyện Thọ Xuân chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu dự án; không hợp thức hóa các sai phạm trước đây liên quan đến các dự án; trường hợp các dự án đang thực hiện theo kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán, kiểm tra (nếu có) thì chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo các kết luận của cấp có thẩm quyền, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật.

Phụ lục II:
Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất các dự án khai thác quỹ đất
áp dụng chính sách đặc thù trên địa bàn huyện Thọ Xuân

(Kèm theo Nghị quyết số: 37/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Dự kiến tổng mức đầu tư/mức vốn bố trí từ nguồn chính sách đặc thù	Ghi chú
1	2	3	4	5
TỔNG CỘNG			5.000.000	
I	Các dự án quan trọng tỉnh giao cho huyện Thọ Xuân thực hiện		973.000	
1	Cầu Thọ Diên qua sông Chu nối Quốc lộ 47C với Đường tỉnh 506B.	Tổng chiều dài cầu và đường 3km, chiều rộng mặt cầu 20,5m, quy mô nền đường phù hợp với cầu.	798.000	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh 506B đoạn Xuân Tín - Trường Xuân.	Chiều dài khoảng 11km đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng; nền đường rộng 9,0m; mặt đường rộng 8,0m.	175.000	
II	Các dự án động lực, có tác động lan tỏa, cấp thiết, phục vụ an sinh xã hội và đời sống Nhân dân được xác định trong các Nghị quyết, quy hoạch của huyện Thọ Xuân		4.027.000	
1	Tuyến đường số 7 Đô thị Lam Sơn-Sao Vàng	Tổng chiều dài khoảng 13km; quy mô là đường đô thị: nền đường rộng từ 35m -:- 55m .	995.000	
2	Công sở hành chính mới huyện Thọ Xuân và hạ tầng trung tâm hành chính.	Công sở nhà làm việc hợp khối; hạ tầng trung tâm hành chính gồm: Trung tâm hội nghị, Quảng trường, các tuyến đường giao thông nội thị, cây xanh, điện chiếu sáng, vỉa hè, thoát nước... đồng bộ.	450.000	
3	Tuyến đường số 8 Đô thị Lam Sơn - Sao Vàng.	Chiều dài khoảng 6,5km đoạn nối từ QL.47C đến tuyến đường số 4 - Vành đai phía Nam Khu Công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng; đầu tư với quy mô là đường đô thị: nền đường rộng từ 33m -:- 43m.	461.000	
4	Tuyến đường số 9 vành đai đông bắc sân bay Thọ Xuân.	Chiều dài tuyến đường khoảng 13 km; đầu tư với quy mô nền đường rộng từ 21m -:- 25m.	863.000	



STT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Dự kiến tổng mức đầu tư/mức vốn bố trí từ nguồn chính sách đặc thù	Ghi chú
1	2	3	4	5
5	Hạ tầng các xã, thị trấn đạt tiêu chí phường.	Đầu tư xây dựng các xã, thị trấn đạt tiêu chí kết cấu hạ tầng phường theo tiêu chuẩn phường thuộc thị xã.	750.000	
6	Tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi trung tâm hành chính mới của huyện Thọ Xuân.		102.882	
7	Tuyến đường nối Quốc lộ 47 với Quốc lộ 47C, huyện Thọ Xuân (giai đoạn 1).		121.451	
8	Các dự án khác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Thọ Xuân.		283.667	Trên cơ sở tình hình thực tế, huyện Thọ Xuân chủ động lựa chọn danh mục dự án trọng điểm để tổ chức thực hiện, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

*Ghi chú: UBND huyện Thọ Xuân chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu dự án; không hợp thức hóa các sai phạm trước đây liên quan đến các dự án; trường hợp các dự án đang thực hiện theo kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán, kiểm tra (nếu có) thì chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo các kết luận của cấp có thẩm quyền, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật.